

Bản án số: 164/2023/HNGĐ-ST
Ngày 23 – 6 – 2023
V/v tranh chấp ly hôn, nuôi con chung

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN Đ D, TỈNH CÀ MAU

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Ngọc Trúc

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Nguyễn Ngọc Trường

Ông Trần Công Đoàn

- **Thư ký phiên tòa:** Bà Hà Thị Diễm My là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đ D, tỉnh Cà Mau.

Ngày 23 tháng 6 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đ D xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 201/2023/TLST-HNGĐ ngày 25 tháng 4 năm 2023 về việc “tranh chấp ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 140/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 10 tháng 5 năm 2023, giữa các đương sự:

- **Nguyên đơn:** Chị Phạm Mỹ P; Sinh năm 1983; Cư trú tại: ấp T Th A, xã T D, huyện Đ D, tỉnh Cà Mau (có mặt);

- **Bị đơn:** Anh Bùi Quý H; Sinh năm 1982; Cư trú tại: ấp T Th A, xã T D, huyện Đ D, tỉnh Cà Mau (có mặt);

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Theo đơn khởi kiện, quá trình giải quyết và tại phiên tòa chị P trình bày:

- Về hôn nhân: Chị Phạm Mỹ P tổ chức đám cưới với anh Bùi Quý H năm 2001, không đăng ký kết hôn. Quá trình chung sống thời gian đầu hạnh phúc, sau xảy ra mâu thuẫn, cãi nhau vì bất đồng quan điểm, anh H thường xuyên ghen tuông vô cớ và đánh đập chị nhiều lần, hai bên gia đình góp ý hàn gắn nhưng anh H không sửa đổi, tình cảm vợ chồng không còn gắn bó yêu thương, vợ chồng ly thân khoảng 2 tháng. Nay chị P yêu cầu Toà án giải quyết cho chị được ly hôn với anh H.

- Về con chung: Bùi Diễm Trinh, sinh năm 2003; Bùi Thị Bảo Trân, sinh ngày 25/7/2011 và Bùi Bảo Châu, sinh ngày 12/6/2015, hiện các con đang sống cùng anh H. Khi ly hôn, cháu Trinh đã trưởng thành không yêu cầu Tòa án giải quyết, cháu

Trân và cháu Châu có nguyện vọng ở với ai, người đó nuôi dưỡng. Cấp dưỡng nuôi con không đặt ra.

- Về tài sản và nợ chung: Chị P xác định không có, không yêu cầu giải quyết.

* *Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa bị đơn anh Bùi Quí H trình bày:*

- Về hôn nhân: Anh và chị P kết hôn năm 2001, hôn nhân tự nguyện, nhưng có đăng ký kết hôn ngày 01/12/2001 tại Ủy ban nhân dân xã Tân Duyệt. Về nguyên nhân mâu thuẫn, anh H xác định quá trình chung sống vợ chồng có xảy ra mâu thuẫn, thường xuyên cự cãi nhau và các mâu thuẫn như chị P trình bày là đúng, tuy nhiên anh có tính tình nóng nảy, chị P có những tin nhắn với người khác không rõ ràng nên anh có đánh chị P vài lần. Xét thấy mâu thuẫn vợ chồng không lớn, hiện tại anh vẫn còn thương vợ con và không muốn ly hôn. Do đó, anh yêu cầu Tòa án hàn gắn mối quan hệ hôn nhân giữa anh và chị P.

- Về con chung: Thống nhất ý kiến của chị P về con chung. Tuy nhiên, trường hợp Tòa án giải quyết ly hôn, anh yêu cầu theo nguyện vọng của con, cấp dưỡng không yêu cầu giải quyết.

- Về tài sản chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu giải quyết.

- Về nợ: Không có.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về hôn nhân: Tại phiên tòa chị P và anh H xác định chung sống vào năm 2001 và có đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật nên hôn nhân của anh, chị là hợp pháp được pháp luật công nhận. Xét nguyên nhân mâu thuẫn: Chị P và anh H xác định vợ chồng thường xuyên mâu thuẫn, cãi nhau, anh H có nóng tính và ghen tuông dẫn đến đánh chị P nhiều lần. Tính đến hiện tại, anh chị ly thân khoảng 2 tháng nhưng không có biện pháp hàn gắn để tiếp tục chung sống. Hội đồng xét xử xét thấy: Giữa anh chị có xảy ra mâu thuẫn nhiều lần đều được anh chị thừa nhận, anh H thừa nhận đánh chị P được hai bên gia đình hàn gắn nhưng vẫn không thay đổi, mặc dù anh H không đồng ý ly hôn nhưng hiện tại không có biện pháp gì hàn gắn mối quan hệ hôn nhân, trong khi chị P xác định không còn tình cảm và không thể chung sống cùng anh H. Anh H đánh đập chị P đã vi phạm nghiêm trọng quyền, nghĩa vụ của vợ chồng. Từ những phân tích trên xác định mâu thuẫn giữa anh chị đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không còn đạt được. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình cho chị P được ly hôn với anh H là phù hợp.

[3] Về con chung: Chị P và anh H yêu cầu theo nguyện vọng của con chung. Xét thấy, khi ly hôn cha mẹ đều có quyền và nghĩa vụ ngang nhau trong việc nuôi dưỡng con chung. Tuy nhiên, hiện tại cháu Bảo Trân có nguyện vọng sống cùng chị P và cháu Bảo Châu cũng có nguyện vọng tiếp tục sống cùng anh H. Do đó, để đảm bảo điều kiện phát triển ổn định của con chung, Hội đồng xét xử căn

cứ khoản 1, 2 Điều 81 Luật Hôn nhân và Gia đình giao con chung Bảo Trân cho chị P, giao cháu Bảo Châu cho anh H tiếp tục nuôi dưỡng là phù hợp. Cháu Diễm Trinh trưởng thành không yêu cầu xem xét.

Vấn đề cấp dưỡng nuôi con các đương sự không đặt ra yêu cầu nên không xem xét.

[4] Về tài sản chung: Tại phiên tòa chị P và anh H xác định tự thỏa thuận nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[5] Các vấn đề khác: Chị P và anh H xác định không có, nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[6] Về án phí dân sự sơ thẩm: Theo quy định khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự và điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án thì chị P phải chịu án phí dân sự sơ thẩm trong vụ án ly hôn là 300.000 đồng;

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 4 Điều 147, khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Áp dụng khoản 1 Điều 56, khoản 1, 2 Điều 81, Điều 82, Điều 83 của Luật Hôn nhân và Gia đình; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Phạm Mỹ P.

1.1. Về hôn nhân: Cho chị Phạm Mỹ P được ly hôn anh Bùi Quý H.

1.2. Về con chung: Giao cháu Bùi Thị Bảo Trân, sinh ngày 25/7/2011 cho chị Phạm Mỹ P và giao cháu Bùi Bảo Châu, sinh ngày 12/6/2015 cho anh Bùi Quý H tiếp tục trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục.

Chị Phạm Mỹ P và anh Bùi Quý H không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị Phạm Mỹ P phải chịu trong vụ án ly hôn là 300.000 đồng nhưng được trừ số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0014026 ngày 28 tháng 4 năm 2023 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Đ D (đã nộp xong).

3. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án

dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

4. Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ./.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tỉnh Cà Mau;
- Viện kiểm sát nhân dân huyện Đ D;
- Chi cục thi hành án dân sự huyện Đ D;
- Ủy ban nhân dân xã Tân Duyệt, huyện Đ D;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Nguyễn Ngọc Trúc